

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt
do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận sản xuất, kinh doanh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 16/9/2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 1436-KL/BTVTU, ngày 31/5/2025 về điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2220/UBND-TH ngày 20/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng phương án giá nước sạch mới do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận sản xuất kinh doanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 674/TTr-STC ngày 11/9/2024, Công văn số 3943/STC/QLG&CS ngày 13/11/2024 và Công văn số 526/STC-QLG&CS ngày 17/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận sản xuất, kinh doanh như sau:

1. Giá nước sạch bán lẻ cho từng mục đích sử dụng (đã bao gồm thuế VAT và chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hoặc phí thoát nước):

Số TT	Đối tượng	Giá nước sạch (đồng/m ³)
Nhóm 1	Hộ dân cư	
1.1	SH1: 10 m ³ đầu tiên	7.200
1.2	SH2: Trên 10 m ³ - 20 m ³	8.400
1.3	SH3: Trên 20 m ³ - 30 m ³	13.000
1.4	SH4: Trên 30 m ³	15.000
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân)	13.400
	Phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	13.400
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	16.700
Nhóm 4	Kinh doanh dịch vụ	22.500

2. Giá nước sạch bán buôn qua đồng hồ tổng (đã bao gồm thuế VAT và chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hoặc phí thoát nước):

a) Đối với Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận thực hiện giá bán buôn với 2 mức giá gồm:

- Mức giá 1 là **7.200 đồng/m³** được áp dụng đối với tổng sản lượng nước thương phẩm qua các đồng hồ tổng thực tế được xuất hóa đơn của các hợp đồng được ký trong năm đến 1.800.000 m³;

- Mức giá 2 là **8.400 đồng/m³** áp dụng đối với tổng sản lượng nước thương phẩm qua các đồng hồ tổng thực tế được xuất hóa đơn của các hợp đồng được ký trong năm từ 1.800.001 m³ trở lên.

b) Đối với Ban Quản lý Công trình công cộng Bắc Bình là **7.200 đồng/m³**.

3. Thời gian bắt đầu áp dụng thực hiện giá nước sạch là kỳ tháng 7/2025.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận chịu trách nhiệm về quá trình tổ chức sản xuất và đảm bảo cung cấp nước sạch đủ về số lượng, sản lượng theo phương án được duyệt theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các khoản chi phí không tính theo định mức đã đưa vào tính toán giá nước sạch trong phương án giá nước sạch làm cơ sở ban hành mức giá nước sạch quy định tại Điều 1 Quyết định này trong kỳ áp dụng giá không phát sinh hoặc giá trị thực hiện thấp hơn thì giảm trừ trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch kỳ tính giá sau theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KT, THĐT. Sang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh